Bảng Dữ liệu an toàn

1. Nhận dạng vật liệu và nhà cung cấp

Tên sản phẩm: Chất ổn định Haemoglobin A1c ở dạng lỏng Cấp 1 và 2

Tên khác: Chất kiểm soát dạng lỏng HbA1c [B12396 (HB410B); B12397 (HB410MBB)]

Khuyến nghị sử dụng hóa chất

Ma trận lysate máu người dạng lỏng sử dụng trong chẩn đoán trong ống nghiệm như vật liệu kiểm soát chất lượng để đánh giá dụng cụ thí nghiệm/hệ thống thuốc thử.

Nhà cung cấp: Canterbury Scientific Limited
NZBN: 9429039881519
Địa chỉ đường phố: 71 Whiteleigh Avenue, Addington,
Christchurch, New Zealand, 8011
Số điện thoại: +64 3 343 3345
E-mail: info@canterburyscientific.com

Điện thoại khẩn cấp: +64 21 640801

Đại diện tại Liên minh Châu Âu: Emergo Europe
Địa chỉ đường phố: Westervoortsedijk 60,
6827 AT Arnhem, Hà Lan
Điện thoại: +31 (0) 70 345 8570
Fax: +31 70 346 7288
E-mail: EmergoEurope@ul.com

Nhà phân phối tại Hoa Kỳ: Beckman Coulter Inc
Địa chỉ đường phố: 250 S Kraemer Blvd
Brea,
CA 92821, Hoa Kỳ
Điện thoại: +1-714-961-3659
Fax: +1-714-993-8737

2. Nhận dạng nguy cơ

***LƯU Ý**: Sản phẩm này chứa một lượng nhỏ Kali Xyanua (KCN) (<0,5%). Do tính chất nguy hiểm của KCN, không cho phép pha loãng trong phân loại do đó việc phân loại mối nguy phản ánh điều này.*

Từ ký hiệu: Nguy hiểm

HSNO (1)	GHS7 (2)	Mã cảnh báo nguy cơ
6.1A (tất cả, Đường miệng), Da, Hít phải)	Độc tính cấp tính Đường miệng Loại 1 Độc tính cấp tính trên Da Loại 1 Độc tính cấp tính Hít phải Loại 1	H300 Gây tử vong nếu nuốt phải H310 Gây tử vong khi tiếp xúc với da H330 Gây tử vong nếu hít phải
6.3B	Ăn mòn / Kích ứng da Loại 3	H316 Gây kích ứng da nhẹ
6.4A	Tổn thương mắt nghiêm trọng / chất gây kích ứng mắt loại 2	H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
6.5B	Mẫn cảm với da loại 1	H317 Có thể gây dị ứng da
6.8B	Ảnh hưởng đến sinh sản Loại 2	H361 Nghi ngờ có thể gây tổn thương khả năng sinh sản hoặc thai nhi
6.9A (tất cả, bằng miệng)	Độc tính đối với cơ quan nội tạng đích cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ) Loại 1	H370 Gây tổn thương các cơ quan nội tạng
	Độc tính đối với cơ quan nội tạng đích cụ thể (Phơi nhiễm lặp lại) Loại 1	H372 Gây tổn thương các cơ quan nội tạng khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp lại
8.1A	Ăn mòn kim loại Loại 1	H290 Có thể ăn mòn kim loại
9.1A (tất cả, Giáp xác, cá, tảo)	Độc tính thủy sinh Loại 1	H400 / H410 Rất độc đối với đời sống thủy sinh
9.2A	Không có	H421 Rất độc đối với môi trường đất.
9.3A	Không có	H431 Rất độc đối với động vật có xương sống trên cạn.
9.4A	Không có	H441 Rất độc đối với động vật không có xương sống trên cạn.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Thành phần	Số CAS	Nồng độ %	Được phân loại là:
Haemoglobin	Không áp dụng	<50	Không nguy hiểm
Kali Xyanua	151-50-8	<0,05	Nguy hiểm
Chất pha loãng	Không áp dụng	Đến 100%	Không nguy hiểm

4. Biện pháp sơ cứu

Mắt:
Rửa mắt ngay bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nâng mí mắt trên và dưới. Kiểm tra và tháo kính áp tròng. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu bị kích ứng.

Da:
Rửa sạch vùng da đã tiếp xúc bằng thật nhiều nước. Cởi quần áo và giày dép đã tiếp xúc với chất đó. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu có triệu chứng

Nuốt phải:
Súc miệng với nước. Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí và nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Nếu người tiếp xúc còn tỉnh táo, hãy cho họ uống một lượng nước nhỏ. Không tìm cách gây nôn trừ khi có hướng dẫn của nhân viên y tế. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu có triệu chứng.

Hít phải:
Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí và nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu có triệu chứng

Biện pháp tự bảo vệ cho Nhân viên sơ cứu:
Không thực hiện bất kỳ hành động nào có thể gây ra rủi ro cá nhân hoặc nếu không được đào tạo phù hợp. Mang găng tay nitrile và kính bảo vệ mắt

Số liên hệ Trung tâm Chống độc: 0800 764 766

5. Biện pháp chữa cháy

Điểm bắt cháy:
Không xác định

Giới hạn khả năng bắt cháy:
Không xác định

Mã HAZCHEM:
2Z

Phương tiện chữa cháy
Sử dụng nước phun, bọt hoặc hóa chất khô trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn

Nguy cơ cháy nổ:
Không có dữ liệu cụ thể về các sản phẩm phân hủy nhiệt nguy hiểm

Thiết bị chữa cháy:
Nhân viên chữa cháy phải trang bị thiết bị bảo hộ thích hợp và thiết bị trợ thở khép kín, có mặt nạ che kín mặt, hoạt động ở chế độ áp suất dương

6. Biện pháp giảm nhẹ tai nạn

Hành động cần thực hiện nếu xảy ra sự cố tràn hoặc rò rỉ

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp:
Mặc đầy đủ bộ quần áo liền, găng tay, kính bảo vệ mắt
Chỉ những nhân viên được đào tạo về cách tiếp cận xử lý sự cố tràn mới được dọn dẹp.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường do sự cố tràn và xả chất độc hại vô tình:
Tránh để vật liệu rơi vãi hoặc chảy tràn và tiếp xúc với đất, đường nước, cống rãnh. Thông báo cho các cơ quan hữu quan nếu sản phẩm gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường nước, đất hoặc không khí).

Lời khuyên về việc ngăn chặn và làm sạch chất tràn hoặc chất thải:
Chặn để ngăn dòng chảy,
Hấp thụ bằng vật liệu hấp thụ trơ, thu gom và cho vào thùng có thể đậy kín, xử lý theo hướng dẫn hoặc quy định của chính quyền địa phương.

7. Xử lý và Bảo quản

Các biện pháp phòng ngừa cần thực hiện khi Xử lý và Bảo quản

Xử lý:
Sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp. Nghiêm cấm ăn, uống và hút thuốc tại các khu vực xử lý, lưu trữ và gia công vật liệu này. Người lao động phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo và trang thiết bị bảo hộ đã tiếp xúc với vật liệu trước khi vào khu vực ăn uống

Bảo quản (bao gồm cả tình trạng không tương thích):
Sản phẩm được bảo quản trong điều kiện được kiểm soát 2˚C - 8˚C

8. Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (bao gồm các giá trị giới hạn sinh học):
Không có

Biện pháp kiểm soát kỹ thuật:
Cần trang bị đầy đủ hệ thống thông gió chung tốt để kiểm soát mức độ tiếp xúc của người lao động với các chất gây ô nhiễm trong không khí.

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân:
Vệ sinh:
Rửa tay, cẳng tay và mặt thật sạch sau khi tiếp xúc với các sản phẩm hóa chất, trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng nhà vệ sinh và khi kết thúc ca làm việc. Nên sử dụng các kỹ thuật thích hợp để cởi bỏ quần áo có khả năng đã tiếp xúc với hóa chất. Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Đảm bảo trang bị các trạm rửa mắt và vòi hoa sen an toàn ở gần vị trí trạm làm việc

Bảo vệ da

Phải luôn đeo găng tay chống thấm, chống hóa chất tuân thủ tiêu chuẩn đã phê duyệt khi xử lý các sản phẩm hóa chất nếu đánh giá rủi ro cho thấy cần sử dụng găng tay. Cần lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa trên nhiệm vụ đang thực hiện và các rủi ro liên quan, đồng thời phải được chuyên gia phê duyệt trước khi xử lý sản phẩm này. Cần lựa chọn giày dép phù hợp và bất kỳ biện pháp bảo vệ da bổ sung nào dựa trên nhiệm vụ đang thực hiện và các rủi ro liên quan, đồng thời phải được chuyên gia phê duyệt trước khi xử lý sản phẩm này

Bảo vệ mắt

Nên sử dụng kính mắt an toàn tuân thủ tiêu chuẩn đã phê duyệt khi đánh giá rủi ro cho thấy cần sử dụng kính mắt để tránh tiếp xúc với chất lỏng bắn tung tóe, sương mù, khí hoặc bụi. Nếu có thể xảy ra tiếp xúc, cần sử dụng các trang bị bảo hộ cá nhân sau đây, trừ khi đánh giá yêu cầu có mức độ bảo vệ cao hơn: kính an toàn với tấm chắn bên

Các biện pháp kiểm soát môi trường:

Cần kiểm tra khí thải từ hệ thống thông gió hoặc thiết bị trong quá trình làm việc để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của luật bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần phải sử dụng máy lọc khói, bộ lọc hoặc có các sửa đổi kỹ thuật cho thiết bị xử lý để giảm lượng khí thải xuống mức chấp nhận được.

9. Thuộc tính vật lý và hóa học

Thuộc tính	Đặc tính
Hình dạng bề ngoài	Chất lỏng, Màu đỏ anh đào
Mùi	Mùi máu nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn
Độ pH	Không có sẵn
Điểm nóng chảy / điểm đóng băng	Không có sẵn
Điểm sôi ban đầu & khoảng sôi	Không có sẵn
Điểm bắt cháy	Không có sẵn
Tỷ lệ bay hơi	Không có sẵn
Tính dễ cháy (dạng rắn, khí)	Không có sẵn
Ngưỡng cháy nổ trên / dưới	Không có sẵn
Áp suất hơi	Không có sẵn
Mật độ hơi	Không có sẵn
Mật độ tương đối	Không có sẵn
Độ hòa tan trong nước	Không có sẵn
Hệ số phân tán: n-octane/nước	Không có sẵn
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn
Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn
Độ nhớt động học	Không có sẵn
Đặc tính dễ nổ	Không có sẵn
Đặc tính oxy hóa	Không có sẵn

10.Độ ổn định và Phản ứng

Phản ứng hóa học và độ ổn định hóa học của chất trong điều kiện bảo quản và xử lý thông thường và dự kiến
Phản ứng:
Không có dữ liệu cụ thể

Độ ổn định hóa học:
ổn định về mặt hóa học trong các điều kiện bảo quản/sử dụng được khuyến nghị

Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra:
Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường trong Thông tin sử dụng, các phản ứng nguy hiểm sẽ không xảy ra

Các điều kiện cần tránh:
Không có dữ liệu cụ thể

Không tương thích (Vật liệu cần tránh)
Không có dữ liệu cụ thể

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm
Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào được hình thành trong thời hạn sử dụng của sản phẩm

11.Thông tin độc tính:

Thông tin độc tính được cung cấp cho:
Độc tính cấp tính (6.1A, 6.1B, 6.1C, 6.1D)

Thành phần	Giới hạn tiếp xúc (8 giờ) mg/m^3	LD50
Haemoglobin	Không có	Không có
Kali Xyanua	5 (OSHA PEL), 0,9 (ECHA)	Đường uống, thể trọng 7,49 mg/kg (chuột) (ECHA)

Ăn mòn / kích ứng da (6.3A)

Thành phần	Giới hạn tiếp xúc (8 giờ) mg/m^3	
Haemoglobin	Không có	Không có
Kali Xyanua	5 (OSHA PEL), 140µg / kg / ngày (ECHA)	LD50 7,35 - 200 mg / kg bw (thỏ) (ECHA)

Kích ứng / tổn thương mắt nghiêm trọng (6.4A)

Thành phần	Giới hạn tiếp xúc (8 giờ) mg/m^3	
Haemoglobin	Không có	Không có
Kali Xyanua	5 (OSHA PEL), không có ngưỡng (ECHA)	LC50 7,87 mg / kg thể trọng (thỏ)

Kích ứng da hoặc đường hô hấp (6,5B)

Thành phần	Giới hạn tiếp xúc (8 giờ) mg/m^3	
Haemoglobin	Không có	Không có
Kali Xyanua	5 (OSHA PEL), 0,9 (ECHA)	LC50 (60 phút) 63 ppm (chuột) (ECHA)

Độc tính đối với hệ sinh sản (6.8A, 6.8B, 6.8C, 6.1D)

Thành phần	Giới hạn tiếp xúc (8 giờ) mg/m^3	
Haemoglobin	Không có	Không có
Kali Xyanua	5 (OSHA PEL), 0,9 (ECHA)	LC50 7,87 mg / kg thể trọng (thỏ)

Độc tính đối với cơ quan nội tạng đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần và đơn lẻ) (6.9A, 6.9B)

Thành phần	Giới hạn tiếp xúc (8 giờ) mg/m^3	
Haemoglobin	Không có	Không có
Kali Xyanua	5 (OSHA PEL), 0,9 (ECHA)	LC50 7,87 mg / kg thể trọng (thỏ)

Hiệu ứng gây mê (6.9B)
Không có

Dữ liệu tóm tắt:
Tất cả các thành phần ngoại trừ Kali Xyanua được coi là không nguy hiểm. Kali Xyanua không có ngưỡng giới hạn để pha loãng, do đó các nguy cơ đã xác định và giới hạn phơi nhiễm áp dụng cho bất kỳ nồng độ nào trong hỗn hợp này.

12. Thông tin sinh thái:

Các yêu cầu cơ bản về dữ liệu thuộc tính:

Tất cả các thành phần ngoại trừ KCN được phân loại là không nguy hiểm

Độc tính sinh thái của Kali Xyanua (dưới nước và trên cạn)

Vị trí các loài thủy sinh (ECHA)	Nồng độ không ảnh hưởng dự đoán
Nước ngọt	1 µg/L
Xả thải gián đoạn (nước ngọt)	3,2 µg/L
Nước mặn	200 ng/L
Xả thải gián đoạn (nước mặn)	Không có
Nhà máy xử lý nước thải (STP)	50 µg/L
Bùn lắng (nước ngọt)	Trọng lượng bùn lắng khô 4 µg/kg
Bùn lắng (nước mặn)	Trọng lượng bùn lắng khô 800 ng/kg

Các nguy cơ sinh thái khác

Vị trí nguy cơ (ECHA)	Nồng độ không ảnh hưởng dự đoán
Không khí	Không có nguy cơ nào được xác định
Đất	Trọng lượng đất lắng khô 7 µg/kg
Gây ngộ độc thứ cấp cho động vật ăn thịt	Không có khả năng tích lũy sinh học

13. Cân nhắc khi thải bỏ:

Phương pháp thải bỏ:
Cần tránh hoặc giảm thiểu việc phát sinh chất thải bất cứ khi nào có thể.

Việc thải bỏ sản phẩm này, các dung dịch và bất kỳ sản phẩm phụ nào luôn phải tuân thủ các yêu cầu của luật bảo vệ môi trường và thải bỏ chất thải, cũng như yêu cầu của chính quyền địa phương khu vực. Không được thải bỏ lượng hóa chất tồn dư chưa qua kiểm tra vào hệ thống thoát nước trừ khi khiếu nại đầy đủ các yêu cầu của tất cả các cơ quan có thẩm quyền.

Bao bì phế thải nên được tái chế.

Chỉ xem xét đốt hoặc chôn lấp chất thải khi việc tái chế không khả thi. Vật liệu này và thùng chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn. Thùng chứa hoặc lớp đệm lót có thể giữ lại một số dư lượng sản phẩm.

Tránh để vật liệu rơi vãi hoặc chảy tràn và tiếp xúc với đất, đường nước, cống rãnh

14. Thông tin vận chuyển:

Thông tin quản lý liên quan đến vận chuyển
Phân loại Hàng hóa nguy hiểm:

Mô tả	Phân loại
Mã số LHQ	Chưa được phân loại
Tên vận chuyển thích hợp theo LHQ	Chưa được phân loại
Loại Hàng hóa nguy hiểm theo LHQ & rủi ro phụ	Chưa được phân loại
Nhóm bao bì theo LHQ	Chưa được phân loại
Nguy cơ đối với môi trường (ví dụ: chất ô nhiễm biển)	Chưa được phân loại
Lưu ý đặc biệt khi vận chuyển	Chưa được phân loại

15. Thông tin về các quy định:

Bao gồm NZ và thông tin quy định quốc tế
Số phê duyệt HSNO: Chưa được phân loại
Sản phẩm này không được phân loại theo luật pháp Liên minh Châu Âu
Sản phẩm này không được phân loại theo luật pháp Hoa Kỳ
Sản phẩm này không được phân loại theo luật pháp Nhật Bản
Sản phẩm này không được phân loại theo luật pháp Canada
Sản phẩm này không được phân loại theo luật pháp Trung Quốc

16. Thông tin khác:

Bảng thuật ngữ:
HSNO: Đạo luật về các chất độc hại và các vi sinh vật mới năm 1996
GHS 7: Hệ thống hài hòa toàn cầu Phiên bản sửa đổi lần thứ bảy
LHQ: Liên Hiệp Quốc
ECHA: Cơ quan Quản lý Hóa chất Châu Âu
OSHA: Cục Quản lý Sức khỏe và An toàn Lao động (Hoa Kỳ)
PEL: Giới hạn Phơi nhiễm Cho phép
KCN: Kali Xyanua
DG: Hàng hóa nguy hiểm
REACH: Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất

Tài liệu tham khảo:
Đạo luật về các chất độc hại và các vi sinh vật mới năm 1996
Hệ thống hài hòa toàn cầu Phiên bản sửa đổi lần thứ bảy
Hướng dẫn của Cơ quan Quản lý Hóa chất Châu Âu về việc biên soạn bảng dữ liệu an toàn Phiên bản 3.1 tháng 11 năm 2015
Cộng đồng Châu Âu số EC 1907/2006 (REACH)
Tiêu chuẩn về Mức độ phơi nhiễm tại Nơi làm việc và Chỉ số Sinh học phiên bản 11 tháng 11 năm 2019, WorkSafe NZ

Thông báo cho người đọc:
Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, thông tin trong tài liệu này là chính xác. Tuy nhiên, Canterbury Scientific Limited không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin trong tài liệu này. Việc xác định chính thức về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của người sử dụng. Tất cả vật liệu có thể ẩn chứa những nguy cơ chưa biết và cần được sử dụng một cách thận trọng. Mặc dù một số nguy cơ nhất định được mô tả ở đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những nguy cơ duy nhất tồn tại.
Khi nhận được phiên bản sửa đổi của SDS này, vui lòng hủy bản cũ.